

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 474/2023/DS-PT

Ngày: 20-4-2023

*V/v Tranh chấp liên quan đến tài
sản bị cưỡng chế để thi hành án
theo quy định của pháp luật
về thi hành án*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các thẩm phán:

Bà Lê Thị Anh Minh

Ông Nguyễn Bá Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam – Thư ký Tòa án, Tòa án Nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 486/2022/TLPT-DS ngày 23/11/2022 về việc “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 618/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 674/2022/QĐPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3141/2023/QĐPT-DS ngày 20/3/2023, giữa các đương sự:

1/- *Nguyên đơn:* Ông Phan Thanh T - Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự quận B; địa chỉ: phường An L, quận B, Thành phố H. (Vắng mặt).

2/- *Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Thành H, địa chỉ thường trú: huyện B1, Thành phố H; hiện bị tạm giam trong vụ án hình sự tại nhà tạm giam S, thị xã S, tỉnh P (Vắng mặt).

- Bà Đoàn Huỳnh Ngọc O; địa chỉ thường trú: huyện B1, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: Phường 3, Quận 6; Thành phố H. (Vắng mặt)

3/- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Văn phòng công chứng Nguyễn Quốc C (*người đại diện hợp pháp: Ông Mai Văn B, sinh năm: 1968; địa chỉ: phường An L, quận B, Thành phố H.* (Vắng mặt).

3.2. Ông Huỳnh An L, sinh năm: 1972; địa chỉ: V L B, huyện B1, Thành phố H.

3.3. Bà Lê Thị Tuyết T, sinh năm: 1972; địa chỉ: phường B2, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh An L và bà Lê Thị Tuyết T: Ông Cao Văn Đ, sinh năm: 1975; địa chỉ: phường P, Quận 7, Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền số 000449 ngày 15/4/2023 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Công T, Thành phố H. (Có mặt).

3.4. Ông Lê Minh N, sinh năm: 1990; địa chỉ: Ấp 4, V L B, huyện B1, Thành phố H. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Nhựt H, sinh năm: 1991; địa chỉ: Phường 13 Quận 6, Thành phố H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, ông Phan Thanh T - Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự quận B (gọi tắt là ông Phan Thanh T), trình bày: Chi cục Thi hành án dân sự quận B đang thi hành Bản án số 141/2020/DS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận B, có nội dung buộc ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O (Viết tắt là “bị đơn”) cùng liên đới trả cho ông Lê Minh N số tiền 6.600.000.000 (Sáu tỷ, sáu trăm triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H và bà O chưa thanh toán đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Theo đơn yêu cầu của ông N, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự quận B đã ban hành Quyết định thi hành án số 3042/QĐ-CCTHADS ngày 25/6/2020 cho thi hành các khoản nêu trên. Theo văn bản số 4111/CNBTA ngày 28/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận B, cung cấp thông tin xác minh: Thửa đất số 599 và 600, cùng tờ bản đồ số 40 (TL-2005), phường Tân Tạo A, quận B được Ủy ban nhân dân quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04451 và CH04452 cùng ngày 15/7/2014 cho bà Phạm Thị Cúc, cập nhật biến động chuyển nhượng cuối cùng tại trang 4 giấy chứng nhận cho ông H ngày

10/7/2018 nên ngày 25/11/2020, Chấp hành viên ban hành Quyết định số 43/QĐ-CCTHADS về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đối với 02 thửa đất nói trên.

Ngày 13/01/2021, Chấp hành viên lập biên bản giải quyết thi hành án đối với người đại diện của bà Lê Thị Tuyết T (Viết tắt là “bà T”) và ông Huỳnh An L (Viết tắt là “ông L”), có nội dung: Thửa đất số 599 và 600, cùng tờ bản đồ số 40 (TL-2005), phường Tân Tạo A, quận B đã được bị đơn chuyển nhượng cho bà T theo hợp đồng số 007944 và 007945 cùng ngày 21/8/2019 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Quốc C, Thành phố H và cập nhật biến động tại trang 4, sang tên cho bà T.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định về việc giải quyết tranh chấp, yêu cầu hủy giấy tờ, giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án, do đó nguyên đơn yêu cầu: Hủy các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) (gọi tắt là hợp đồng) số 007944 và số 007945 cùng ngày 21/8/2019 giữa bị đơn với bà T và hủy cập nhật sang tên cho bà T tại trang 4 các giấy chứng nhận gồm: số BV 092290 có số vào sổ cấp GCN CH04451 đối với thửa đất 599 và số BV 092291 có số vào sổ cấp GCN CH04452 đối với thửa đất 600, cùng tờ bản đồ số 40 (TL2005), phường Tân Tạo A, quận B.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ, yêu cầu có mặt để giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự với nguyên đơn nhưng vắng mặt không có lý do.

Bà Lê Thị Tuyết T và ông Huỳnh An L, có ông Trần Đức Minh đại diện ủy quyền, trình bày: Ngày 21/8/2019, bà T cùng bị đơn đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 007944 và số 007945 tại Văn phòng công chứng để nhận chuyển nhượng thửa số 599 có diện tích 500m² theo Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CH04451 và thửa số 600, có diện tích 500m² theo Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN CH04452 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 15/7/2014 và đến ngày 23/10/2020. Bà T và ông L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng thỏa thuận và đã nhận bàn giao tài sản. Đến ngày 23/10/2020, Văn phòng đăng ký đã hoàn tất thủ tục cập nhật biến động sang tên cho bà T theo đúng quy định pháp luật; do đó, yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận hiệu lực pháp lý đối với các hợp đồng được ký kết giữa bà T với bị đơn.

Ông Lê Minh N, trình bày: Ông Lê Minh Nhựt (Viết tắt là “ông N”) thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn; vì trước đó bị đơn có vay của ông N số tiền

6.600.000.000 (Sáu tỷ sáu trăm triệu) đồng, sau nhiều lần yêu cầu thanh toán nợ không được, nên đến tháng 7/2019, ông N với bị đơn thỏa thuận là bị đơn giao các thửa đất số 599, 600, tờ bản đồ số 40 (TL 2005) để cầm trả số nợ nêu trên, tuy nhiên ông H, bà O không thực hiện. Đến tháng 8/2019, ông N khởi kiện bị đơn và được Tòa án giải quyết bằng Bản án số 141/2020/DS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận B, buộc bị đơn cùng liên đới trả cho ông N số tiền 6.600.000.000 (Sáu tỷ, sáu trăm triệu) đồng. Khi bản án đã có hiệu lực pháp luật, ông N đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Tuy nhiên, ngày 21/8/2019, bị đơn đã chuyển nhượng các thửa đất trên cho bà T để trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Ngày 23/10/2020, Văn phòng đăng ký cập nhật biến động sang tên cho bà T đối với các thửa đất nói trên. Như vậy, các thửa đất số 599, 600 thuộc tờ bản đồ số 40 (TL 2005), tại phường Tân Tạo A, quận B là tài sản đảm bảo thi hành án theo Bản án số 141/2020/DS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận B và Quyết định thi hành án số 3042/QĐ-CCTHADS của Chi cục Thi hành án dân sự quận B ngày 25/6/2020 nhưng bị đơn làm thủ tục chuyển nhượng cho bà T nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ là trái luật, Văn phòng đăng ký cập nhật biến động đối với tài sản của người phải thi hành án tạo điều kiện cho người phải thi hành án tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ là trái luật. Do vậy, ông N yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 007944 và số 007945 ngày 21/8/2019 giữa ông H với bà T tại Văn phòng công chứng Nguyễn Quốc C và hủy cập nhật sang tên cho bà T tại trang 4 Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN CH04451 đối với thửa đất 599 và số vào sổ cấp GCN CH04452 đối với thửa đất 600, cùng tờ bản đồ số 40 (TL2005), phường Tân Tạo A, quận B.

Văn phòng công chứng Nguyễn Quốc C, Thành phố H, có ông Mai Văn B đại diện ủy quyền, trình bày: Ngày 21/8/2019, theo yêu cầu của khách hàng, Công chứng viên tại Văn phòng công chứng có ký hai văn bản số công chứng 007944 và 007945, quyền số 8.TP/CC-SCC/HĐGD. Hai văn bản này được công chứng theo đúng quy định pháp luật công chứng hiện hành. Do tình hình dịch bệnh nên Văn phòng công chứng xin được vắng mặt trong các buổi hòa giải, làm việc, xét xử tiếp theo.

Bản án sơ thẩm số 618/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thanh T–Chấp hành viên–Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

1.1. Về việc yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) số 007944 và số 007945 ngày 21/8/2019 của

Văn phòng công chứng Nguyễn Quốc C, Thành phố H giữa ông bị đơn với bà T.

1.2. Về việc yêu cầu hủy cập nhật cuối cùng sang tên cho bà T tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH04451 và số vào sổ cấp GCN CH04452 tại phường Tân Tạo A, quận B, Thành phố H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2022, ông Lê Minh N (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 618/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tòa án nhân dân Thành phố H đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên tòa phúc thẩm; nhưng nguyên đơn và bị đơn (bà Đoàn Huỳnh Ngọc O) vắng mặt; ông Nguyễn Thành H có yêu cầu xin xét xử vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Lê Minh N trình bày: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 618/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm pháp luật trong việc thực hiện tổng đạt các văn bản cho bị đơn ông H và bà O không đúng địa chỉ cư trú nên bị đơn không thể tham gia vụ án để trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và của ông N. Vợ chồng ông H và bà O có hành vi tẩu tán tài sản bán đất cho bà T để trốn tránh trách nhiệm trả nợ số tiền 6,6 tỷ đồng cho ông N tại Bản án số 141/2020/DS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận B đã có hiệu lực pháp luật thi hành. Cụ thể: Trong thời gian ông N có đơn khởi kiện tranh chấp số tiền vay 6,6 tỷ đồng với ông H và bà O tại Tòa án nhân dân quận B thì ông H, bà O tiến hành bán đất cho bà T; sau khi Bản án số 141/2020/DS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân quận B có hiệu lực thi hành thì ông H, bà O tiếp tục hoàn tất các thủ tục cập nhật sang tên cho bà T tại trang 4 Giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN CH04451 đối với thửa đất 599 và số vào sổ cấp GCN CH04452 đối với thửa đất 600, cùng tờ bản đồ số 40 (TL2005), phường Tân Tạo A, quận B theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 007944 và số 007945 ngày 21/8/2019 giữa ông H với bà T tại Văn phòng công chứng Nguyễn Quốc C. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân quận B đã không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thanh T–Chấp hành viên–Chi cục Thi hành án dân

sự quận B về việc yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) số 007944 và số 007945 ngày 21/8/2019 của Văn phòng công chứng Nguyễn Quốc C, Thành phố H giữa ông bị đơn với bà T và hủy cập nhật cuối cùng sang tên cho bà T tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH04451 và số vào sổ cấp GCN CH04452 tại phường Tân Tạo A, quận B, Thành phố H là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông N.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Bà Lê Thị Tuyết T và ông Huỳnh An L trình bày: Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 618/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Minh N trình bày: Tòa án nhân dân quận B đã không tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bị đơn (ông H và bà O) trước khi thực hiện tổng đạt – niêm yết các văn bản của Tòa án. Ngoài địa chỉ nguyên đơn ghi trên đơn khởi kiện, bà O còn thực tế cư trú tại địa chỉ 279-281 Phạm Văn Chí, Phường 3, Quận 6, Thành phố H (địa chỉ này được ghi rõ tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) số 007944 và số 007945 ngày 21/8/2019 của Văn phòng công chứng Nguyễn Quốc C, Thành phố H giữa ông bị đơn với bà T) nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh làm rõ dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản, quyết định xét xử, giấy triệu tập tại địa chỉ mà ông H và bà O không thực tế cư trú nên không thể tham gia vụ án để trình bày ý kiến của ông H và bà O đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc tổng đạt văn bản cho bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Lê Minh N hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm như sau:

+ *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

+ *Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Lê Minh Nhut đã thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm và Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý giải quyết là đúng quy định.

+ Về nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng tại địa chỉ E 7/23 Ấp 5, xã Lê Minh Xuân, huyện B1, Thành phố H cho ông H và bà O; ngoài ra còn địa chỉ: 74 A Phùng Tá Chu, phường An L, quận B; Thành phố H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện việc xác minh tình trạng cư trú của bị đơn. Theo xác minh của Tòa án nhân dân Thành phố H thì ông H và bà O không thực tế cư trú tại 2 địa chỉ mà nguyên đơn ghi tại đơn khởi kiện. Và ông H đã bị bắt trong vụ án hình sự khác trước khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án nên không thể tham gia phiên tòa sơ thẩm. Có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét theo thủ tục phúc thẩm đối với nội dung giải quyết tranh chấp của cấp sơ thẩm theo kháng cáo của ông Lê Minh N. Căn cứ Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Quyền, thời hạn kháng cáo và thẩm quyền giải quyết:* Đơn kháng cáo ngày 07/10/2022 của ông Lê Minh N trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 618/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về sự có mặt của các đương sự*

Tòa án đã thực hiện tổng đạt các quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm cho các đương sự đúng quy định, ông Nguyễn Thành H có Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 10/3/2023; nguyên đơn và bị đơn (bà Đoàn Huỳnh Ngọc O) vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh N.

Ngày 20/12/2022, Chi cục thi hành án dân sự quận B có Công văn số 2825/CCTHADS phúc đáp giấy triệu tập của Tòa án theo đó Chi cục THADS quận B thông báo việc thi hành án liên quan đến Quyết định thi hành án chủ

động số 3112/QĐ-CCTHADS ngày 01/7/2020 và Quyết định thi hành án yêu cầu số 3042/QĐ-CCTHADS ngày 25/6/2020 đã được Ủy thác thi hành án dân sự huyện B1 tiếp tục thi hành theo Quyết định ủy thác số 95/QĐ-CCTHADS và số 96/ QĐ-CCTHADS ngày 07/4/2022. Xét thấy, việc ủy thác thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự quận B không đồng nghĩa với việc ủy quyền tham gia vụ án tại phiên tòa; do vậy, căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1.3] *Về tài liệu chứng cứ mới được của Tòa án nhân dân Thành phố H thu thập hợp pháp; gồm:*

- Kết quả xác minh ngày 12/01/2023 của Công an xã Lê Minh Xuân, huyện B1, Thành phố H theo Phiếu xác minh số 273/TATP-TDS ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Kết quả xác minh ngày 10/3/2023 của Công an phường An L^A, quận B, Thành phố H theo Phiếu xác minh số 274/TATP-TDS ngày 05/01/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử và Bản tự khai/Bản Tường trình ngày 10/3/2023 của ông Nguyễn Thành H có xác nhận của Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh P theo Công văn số 1606/2023/QĐ-UTTA ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

[1.4] *Tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm cho bị đơn*

Tại Đơn khởi kiện ngày 10/01/2022 (Bút lục 83), nguyên đơn ghi địa chỉ của bị đơn: “Ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O; cùng địa chỉ: 74 A Phùng Tá Chu, phường An L, quận B; Thành phố H; địa chỉ liên lạc: E 7/23 Ấp 5, xã Lê Minh Xuân, huyện B1, Thành phố H” kèm theo Bản án số 141/2020/DS-ST ngày 21/5/2020 (Bút lục 79) của Tòa án nhân dân quận B xác định ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O; cùng địa chỉ: 74 A Phùng Tá Chu, phường An L, quận B; Thành phố H. Và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 007944 và số 007945 ngày 21/8/2019 (Bút lục 63) giữa ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O với bà Lê Thị Tuyết T thể hiện ông Nguyễn Thành H; thường trú: 74 A Phùng Tá Chu, phường An L, quận B; Thành phố H. Bà Đoàn Huỳnh Ngọc O; thường trú: 279-281 Phạm Văn Chí, Phường 3, Quận 6; Thành phố H.

Theo hồ sơ vụ án thể hiện sau khi thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 16/02/2022 Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện tổng đạt được thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn- ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O tại địa chỉ: 74 A Phùng Tá Chu, phường An L, quận B; Thành

phố H và địa chỉ liên lạc: E 7/23 Ấp 5, xã Lê Minh Xuân, huyện B1, Thành phố H.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn thì Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của bị đơn, nguyên đơn không cung cấp được thì có quyền yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh địa chỉ mới của bị đơn theo quy định của pháp luật.*

Đối chiếu quy định trên thì Tòa cấp sơ thẩm phải yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ mới của ông H và bà O, nếu nguyên đơn không cung cấp thì có quyền yêu cầu Tòa án xác minh địa chỉ của ông H và bà O để thực hiện tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cùng quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông H và bà O theo đúng trình tự thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án được quy định từ Điều 170 đến Điều 179 của Chương X của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên căn cứ hồ sơ vụ án cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành thu thập, xác minh địa chỉ của ông H và bà O theo quy định tại Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 mà thực hiện thủ tục tổng đạt (Niêm yết) các văn bản của Tòa án cho ông H và bà O thông qua Văn phòng thừa phát tại các địa chỉ theo đơn khởi kiện. Cụ thể:

Tại địa chỉ 74 A Phùng Tá Chu, phường An L, quận B, Thành phố H đã thực hiện Niêm yết Giấy triệu tập ngày 07/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2020/QĐST-DS ngày 07/9/2022 (BL.189). Tuy nhiên, trên thực tế địa chỉ: 74 A Phùng Tá Chu thuộc địa giới chính phường An L ^A, quận B, Thành phố H chứ không phải thuộc phường An L, quận B, Thành phố H như địa chỉ nguyên đơn cung cấp và Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc niêm yết.

Tại địa chỉ E 7/23 Ấp 5, xã Lê Minh Xuân, huyện B1, Thành phố H Cơ quan Thừa phát lại đã lập Biên bản niêm yết công khai giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Tòa án nhân dân quận B cụ thể như sau: Giấy triệu tập ngày 14/4/2022 thực hiện niêm yết ngày 18/4/2022 (Bút lục 6, 7, 8); Thông báo thụ lý vụ án số 46/TB-TA ngày 16/02/2022, Giấy triệu tập cùng Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/02/2022 thực hiện niêm yết ngày 18/4/2022 (Bút lục 21, 22, 23); Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện niêm yết ngày 09/5/2022 (Bút lục 25, 26, 27); Giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa số 311/2020/QĐST-DS ngày 07/9/2022 thực hiện niêm yết ngày 08/9/2022 (Bút lục 190, 191, 192); và Bản án số 618/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 và Thông báo kháng cáo thực hiện niêm yết ngày 18/4/2022 (Bút lục 195, 196, 197).

Căn cứ kết quả xác minh thu thập tài liệu chứng cứ liên quan đến việc cư trú và bắt giam đối với ông Nguyễn Thành H của Tòa án nhân dân Thành phố H; cụ thể:

Theo kết quả xác minh ngày 12/01/2023 của Công an xã Lê Minh Xuân: *“Đương sự Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1978 và Đoàn Huỳnh Ngọc O có HKTT tại E 7/23 Ấp 5, xã Lê Minh Xuân, huyện B1, Thành phố H. Ngày 17/9/2022, ông Nguyễn Thanh H bị cơ quan CSĐT Công an tỉnh P bắt tạm giam về hành vi giúp sức cho cán bộ ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh P thực hiện hành vi vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng. Hiện ông H đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an thị xã S. Trước khi bị bắt tạm giam ông Nguyễn Thành H và bà Đoàn Huỳnh Ngọc O không thực tế cư trú tại địa chỉ E 7/23 Ấp 5, xã Lê Minh Xuân, huyện B1, Thành phố H, đi đâu không rõ từ tháng 01/2021. Hiện bà Đoàn Huỳnh Ngọc Oanh hiện tại không cư trú tại địa chỉ E 7/23 Ấp 5, xã Lê Minh Xuân, huyện B1, Thành phố H. Đi đâu không rõ”.*

Theo kết quả xác minh ngày 15/3/2023 của Công an An Lạc^A, quận B có nội dung như sau: *“Tại địa chỉ 74 A Phùng Tá Chu, phường An L^A, quận B không có nhân khẩu tên Nguyễn Thanh Hiếu, Đoàn Huỳnh Ngọc O đăng ký thường trú; đăng ký tạm trú; thực tế cư trú”.*

Tại Bản tự khai/ Bản tường trình ngày 10/3/2023 của ông Nguyễn Thành H có xác nhận của Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh P; ông Nguyễn Thành H tường trình nội dung như sau: *Trước khi bị bắt tạm giam thì Tôi đang ở địa chỉ E7/23 Ấp 5, xã Lê Minh Xuân, huyện B1, Tp, Hồ Chí Minh. Nay tôi đang bị giam giữ tại nhà tạm giữ của Công an thị xã S, tỉnh P, còn vợ tôi là bà Đoàn Huỳnh Ngọc O thì hiện đang ở tại địa chỉ 279-281 Phạm Văn Chí, Phường 3, Quận 6, Thành phố H. Ý kiến của tôi xin vắng mặt tại phiên tòa Thành phố H vào ngày diễn ra phiên tòa và ủy quyền mọi quyết định cho vợ tôi là bà Đoàn Huỳnh Ngọc O và với ý kiến nguyên đơn liên quan và kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân B tại Bản án số 618/2022, Tôi không đồng ý với biên bản án này và quyết định này.*

Theo kết quả tổng đạt văn bản ngày 13/4/2023 của Thừa phát lại Quận 1 - Thành phố H thể hiện bà Đoàn Huỳnh Ngọc O ở tại địa chỉ 279-281 Phạm Văn Chí, Phường 3, Quận 6, Thành phố H.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng tại các địa chỉ mà thực tế bà Đoàn Huỳnh Ngọc O không cư trú, dẫn đến bà Đoàn Huỳnh Ngọc O không thể biết Tòa án cấp sơ thẩm đang thụ lý vụ án liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đoàn Huỳnh Ngọc O để có thể tham

gia vụ án và thực hiện các quyền được pháp luật bảo vệ; đây là lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm dẫn đến việc xét xử vụ án không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà Đoàn Huỳnh Ngọc O. Mặt khác, do ông Nguyễn Thành H bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P bắt tạm giam ngày 17/9/2022 trong vụ án hình sự khác trước khi Tòa án nhân dân quận B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự vào ngày 28/9/2022 nên ông Nguyễn Thành H không thể tham gia phiên tòa xét xử vụ án theo giấy triệu tập của Tòa án nhân dân quận B. Đây là tình tiết khách quan dẫn đến việc xét xử vụ án không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của ông Nguyễn Thành H.

Trên cơ sở ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm số 618/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận B để bảo đảm tất cả các đương sự trong vụ án được thực hiện các quyền tố tụng khi tham gia vụ án mà Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Lê Minh N đối với kết quả giải quyết nội dung yêu cầu của nguyên đơn

Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, phải hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh N đối với việc giải quyết nội dung vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Minh N kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm được chấp nhận nên ông Lê Minh N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh N

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 618/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Ông Lê Minh N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trả lại cho ông Lê Minh N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0009637 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.H;
- VKSND cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND Q. B- Tp.HCM;
- Chi cục THADS Q. B;
- Các đương sự;
- Lưu (T4/2023).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Phượng